

Đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào ASEAN và khuyến nghị cho Việt Nam

ThS. CÁN THỊ THU HƯƠNG

Các nước ASEAN ngày càng trở thành điểm đến quan trọng của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Trung Quốc nhằm phục vụ các mục tiêu đảm bảo an ninh năng lượng, tận dụng ưu đãi của Hiệp định TPP, thực hiện chính sách ngoại giao mới của Trung Quốc. Trong quá trình đầu tư, FDI Trung Quốc đã có những đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế của các nước ASEAN. Tuy nhiên, FDI Trung Quốc tại ASEAN có nhiều điểm khác biệt so với FDI từ các nhà đầu tư khác từ động cơ, lĩnh vực, phương thức đầu tư... Đặc biệt tại ASEAN, FDI Trung Quốc không chỉ được thúc đẩy bởi mục tiêu lợi nhuận kinh tế mà mang nhiều màu sắc của đường lối chính trị ngoại giao của Trung Quốc, do đó đã có những dự án tác động tiêu cực cho các nước ASEAN như nạn ô nhiễm môi trường, ít có chuyển giao công nghệ, gây bất ổn tình hình chính trị an ninh xã hội... Bài viết tập trung làm rõ một số tác động của FDI Trung Quốc tại ASEAN, từ đó đề xuất những khuyến nghị nhằm thu hút và sử dụng hiệu quả FDI Trung Quốc tại Việt Nam.



Từ khóa: ASEAN, FDI Trung Quốc, Việt Nam.

1. Thực trạng FDI Trung Quốc tại ASEAN

Kể từ khi Hiệp định Thương mại tự do giữa ASEAN- Trung Quốc (ACFTA) có hiệu lực năm 2010, Trung Quốc đã tăng cường đầu tư vào các nước ASEAN. Hỗ trợ của Chính phủ đóng vai trò quan trọng nhằm điều kiện thuận lợi cho hoạt động FDI trong khu vực.

ASEAN ngày càng trở thành một điểm đến quan trọng của FDI Trung Quốc

Những năm gần đây, Trung Quốc đã là nhà đầu tư chính trong ASEAN và là nhà đầu tư hàng đầu ở các nước Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam (CLMV). Theo số liệu của Báo cáo đầu tư ASEAN năm 2014, Trung Quốc đã là nhà đầu tư thứ năm trong khu vực. FDI Trung Quốc tại ASEAN đã tăng trưởng nhanh chóng, đạt 35,7 tỷ USD năm 2013 so với 0,6 tỷ USD năm 2003. Chỉ trong năm 2013, Trung Quốc đã đầu tư 8,6 tỷ USD vào ASEAN. Từ năm 1994 đến 2011, Trung Quốc đã đầu tư 8,8 tỷ USD vào Campuchia và trở thành nhà đầu tư lớn nhất tại nước này. Tại Myanmar, năm 2010, với 8,2 tỉ USD, Trung Quốc chiếm vị trí áp đảo trong FDI vào Myanmar. Năm 2013, Trung Quốc đã vượt qua Thái Lan và Việt Nam, trở thành nhà đầu tư lớn nhất ở Lào[1].

Sự tăng trưởng của FDI Trung Quốc tại ASEAN được thúc đẩy bởi một số yếu tố, đó là việc đẩy mạnh liên tục của các công ty Trung Quốc ra quốc

Bảng 1. FDI Trung Quốc tại các nước ASEAN

Đơn vị: triệu USD

Nước	2003	2008	2013
Brunei	0,1	7	72
Singapore	165	3.335	14.751
Indonesia	54	543	4.657
Malaysia	101	361	1.668
Thái Lan	151	437	2.472
Philippines	9	87	692
Myanmar	10	500	3570
Campuchia	59	391	2849
Lào	9	305	2771
Việt Nam	29	522	2167
Tổng số	587,1	6.488	35.669

Nguồn: ASEAN FDI Report 2014

tế, ảnh hưởng của ACFTA, sự hỗ trợ của Chính phủ Trung Quốc, sự gần gũi về vị trí địa lý, văn hóa và mối quan hệ

giữa các bên, môi trường đầu tư được cải thiện và cơ hội đầu tư ngày càng tăng trong ASEAN. Ngoài ra, một nhân tố vô cùng quan trọng, đó là sự tiếp cận với các nguồn tài chính và sự hỗ trợ của các ngân hàng Trung Quốc trong hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Trung Quốc. Đây chính là yếu tố quan trọng thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên, cùng với năng lực cạnh tranh ngày càng mạnh của các công ty Trung Quốc, đặc biệt là trong xây dựng cơ sở hạ tầng, đã khuyến khích doanh nghiệp Trung Quốc gia tăng FDI tại ASEAN.

FDI Trung Quốc chủ yếu đầu tư cơ sở hạ tầng, bất động sản, tài chính và các ngành khai thác

Đầu tư của Trung Quốc tập trung vào các lĩnh vực cơ sở hạ tầng, bất động sản, tài chính và các ngành khai thác. Theo cam kết của Ngân hàng Phát triển Cơ sở Hạ tầng Châu Á (AIIB), từ năm 2013- 2017, hơn 50 tỷ USD sẽ được đầu tư trong các dự án cơ sở hạ tầng ở ASEAN. Con số này gấp 1,6 lần so với FDI bình quân hàng năm của Trung Quốc trong tất cả các ngành công nghiệp ở ASEAN giai đoạn 2011- 2013[1].

Lĩnh vực tài chính thu hút phân đáng kể FDI của Trung Quốc vào ASEAN. Trong giai đoạn 2010- 2013, các công ty Trung Quốc đã đầu tư khoảng 1,6 tỷ USD mỗi năm cho hoạt động tài chính ở ASEAN. Tài chính là một trong những lĩnh vực đầu tư lớn nhất của FDI Trung Quốc và thực hiện chủ yếu thông qua việc bơm vốn mới chứ không phải thông qua M&A và đã đóng góp cho sự hiện diện ngày càng tăng của các công ty tài chính và ngân hàng Trung Quốc ở ASEAN.

Các công ty Trung Quốc còn tích cực hoạt động trong đầu tư bất động sản. Trong giai đoạn 2010- 2013, các công ty Trung Quốc đã đầu tư 1,5 tỷ mỗi năm trong ngành công nghiệp này, chiếm hơn 25% các dòng vốn từ Trung Quốc vào ASEAN[1].

Trung Quốc gia tăng đầu tư vào sản xuất

Mặc dù FDI Trung Quốc vào ngành sản xuất của ASEAN là tương đối nhỏ, nhưng nó đã tăng 4,4 lần trong những năm gần đây- từ mức trung bình hàng năm là 87 triệu USD giai đoạn 2006- 2009 đến 490 triệu USD giai đoạn 2010- 2013. Việc đầu tư của Trung Quốc vào ngành sản xuất hầu hết tập trung ở các nước CLMV, chủ yếu là do chi phí. Lào



và Myanmar đã nhận được 78% FDI Trung Quốc trong lĩnh vực sản xuất vào ASEAN giai đoạn 2010-2013[1]. Vốn FDI này được tập trung trong lĩnh vực dệt may, và trong một số ngành công nghiệp nhẹ như sản xuất phụ tùng, linh kiện cho ngành công nghiệp ô tô và thiết bị điện tử. Chi phí lao động ở Trung Quốc ngày càng tăng tiếp tục thúc đẩy các công ty may mặc chuyển sang các nước có chi phí thấp hơn trong khu vực láng giềng ASEAN. Hầu hết các khoản đầu tư vào sản xuất của Trung Quốc tại các nước ASEAN là định hướng xuất khẩu. Trong một số trường hợp, động cơ của các công ty Trung Quốc đầu tư vào các nước này là để tiếp cận và khai thác ưu đãi của nước chủ nhà khi xuất khẩu vào thị trường Liên minh châu Âu và Hoa Kỳ. Ngoài ra, một số công ty may mặc Trung Quốc đang đầu tư tại Việt Nam, không chỉ vì lý do chi phí mà còn nhằm khả năng hưởng lợi từ mức thuế 0% đối với hàng xuất khẩu sang các nước đối tác xuyên Thái Bình Dương sau khi Hiệp định TPP được ký kết.

2. Tác động của FDI Trung Quốc tại các nước ASEAN

Tác động tích cực

Việc mở rộng FDI của Trung Quốc ở ASEAN đã góp phần vào sự tăng trưởng nhanh chóng và thúc đẩy hội nhập kinh tế trong khu vực này. Trong những năm gần đây, mặc dù kinh tế thế giới phục hồi chậm, nhưng hầu hết các nước ASEAN đã đạt tỷ lệ tăng trưởng GDP cao nhất thế giới (7,2% năm 2010, 5,4% năm 2011, 5,7% năm 2012).

Bổ sung nguồn vốn thúc đẩy kinh tế phát triển:

Các nước ASEAN đa số là đang phát triển. Để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, các nước ASEAN phải tiến hành nhập khẩu máy móc, thiết bị, công nghệ hiện đại. Do đó nhu cầu về ngoại tệ là rất lớn. FDI là một nguồn bổ sung vốn ngoại tệ quan trọng cho các nước ASEAN. Trong những năm qua, lượng vốn FDI của Trung Quốc vào ASEAN đã được cải thiện đáng kể, duy trì ở mức cao, trong đó bao gồm vốn bằng hiện vật (máy móc, công nghệ...) và vốn bằng ngoại tệ. Hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI Trung Quốc tại ASEAN cũng thu về lượng ngoại tệ không nhỏ cho nền kinh tế các nước ASEAN, giúp các nước ASEAN giảm bớt thâm hụt cán cân thương mại với Trung Quốc.

Khai thác có hiệu quả lợi thế so sánh của từng nước trong ASEAN: FDI của Trung Quốc tại ASEAN giai đoạn vừa qua đã góp phần khai thác có hiệu quả các lợi thế so sánh của từng nước trong khu vực. ASEAN có rất nhiều lợi thế cạnh tranh về tài nguyên thiên nhiên, vị trí địa lý, nguồn nhân lực, nhưng khả năng tập trung vốn và nhân lực trình độ cao để khai thác hiệu quả các nguồn lợi này còn hạn chế. Với thế mạnh về vốn, các doanh nghiệp Trung Quốc đã giúp các nước ASEAN giải quyết vấn đề này bằng việc tập trung đầu tư vào những ngành có lợi thế tại mỗi nước. Ví dụ như tại Indonesia- quốc gia có lợi thế đặc biệt về dầu khí nhưng chưa có đủ năng lực để khai thác- một lượng FDI lớn của Trung Quốc đã chảy vào ngành công nghiệp này giúp Indonesia khai thác có hiệu quả và tăng sản lượng dầu xuất khẩu, nguồn thu chủ yếu từ xuất khẩu của Indonesia. Tương tự như vậy, lợi thế của Campuchia về tài nguyên thiên nhiên và nhân công giá rẻ cùng lợi thế xuất khẩu sang thị trường lớn (Mỹ, EU) cũng được vốn FDI của Trung Quốc khai thác hiệu quả trong công nghiệp rừng và công nghiệp dệt may, da giày.

Tạo việc làm, nâng cao thu nhập góp phần cải thiện đời sống cho người lao động và phát triển nguồn nhân lực:

Hầu hết các nước trong khối ASEAN đòi hỏi lao động nhưng trình độ thấp và tập trung chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp lạc hậu, mang tính thời vụ nên thu nhập thấp. Nền kinh tế các nước ASEAN nhìn chung kém phát triển, năng lực sản xuất thấp, do đó lực lượng lao động đông đảo này chưa được khai thác và sử dụng hiệu quả. Vì vậy, tạo việc làm cho các lao động là một nhu cầu vô cùng cấp thiết đối với các quốc gia trong khu vực. Bên cạnh đó, lao động tại các nước này cũng có cơ hội được đào tạo khi được tuyển dụng vào làm tại các vị trí nhân viên cũng như quản lý tại các doanh nghiệp FDI Trung Quốc. FDI Trung Quốc do đó đóng một vai trò rất quan trọng trong việc cung cấp vốn, việc làm và thu nhập, nâng cao năng suất.

Những tác động tích cực khác: FDI của Trung Quốc có ý nghĩa lâu dài đối với nền kinh tế khu vực ASEAN, ảnh hưởng đến mạng lưới sản xuất khu vực. Campuchia, Việt Nam và Lào bắt đầu với các ngành công nghiệp sản xuất thâm dụng lao động, trong đó phần lớn nhằm vào thị trường xuất



khẩu toàn cầu. Điều này đã thay đổi đáng kể khả năng cạnh tranh của các nước này trong sản xuất. Rõ ràng, nhóm CLMV có lợi thế so sánh trong lực lượng lao động, khoáng sản và nông nghiệp, trong khi Trung Quốc có lợi thế so sánh trong sản xuất công nghiệp, vốn và công nghệ. Vì vậy, FDI Trung Quốc tác động tích cực cho cả Trung Quốc và các nền kinh tế đang được đầu tư. Giữa hai bên cũng có hoạt động thương mại nội ngành đáng kể, và cả hai bên đều được liên kết chặt chẽ trong chuỗi sản xuất quốc tế. Do đó, quan hệ đầu tư xuất hiện theo mô hình “đàn ngỗng bay” tương tự như giữa Nhật Bản và các nền kinh tế Bốn Con rồng của châu Á đã rất phổ biến trong giữa những năm 1960. Vì vậy, FDI của Trung Quốc vào ASEAN (đặc biệt là ở các nước CLMV) sẽ tăng cường mô hình phát triển “đàn ngỗng bay” ở đó, và củng cố sự phân chia chuỗi sản xuất liên quan đến Trung Quốc và các nước láng giềng. Trung Quốc xuất khẩu hàng hóa vốn và các sản phẩm trung gian quan trọng để công nghiệp Campuchia, Việt Nam và Lào khai thác lao động và nguyên vật liệu rẻ tiền sẵn có, và từ đó các quốc gia này có thể tăng cường kim ngạch xuất khẩu thành phẩm sang Mỹ và EU. Thực trạng này cho thấy rằng FDI Trung Quốc đã thực sự giúp các nước này bằng cách tăng cường sự phân công lao động khu vực, tăng cường khả năng cạnh tranh của họ, và mở rộng thị trường xuất khẩu.

Tác động tiêu cực

như dầu mỏ, khí đốt, than, các loại quặng... Các ngành sản xuất và dịch vụ công nghệ cao chưa được chú trọng đầu tư nên chưa mang lại cho các nước nhận đầu tư tác động chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng tích cực. Các dự án trong ngành khai thác tài nguyên thiên nhiên hầu hết mới chỉ dừng ở khai thác nguyên liệu thô hoặc sơ chế rồi xuất khẩu trở lại Trung Quốc, mang lại ít giá trị gia tăng cho các nước ASEAN và làm cán cân thương mại vốn đã nghiêng về phía Trung Quốc lại càng trở nên thâm hụt nhiều hơn.

FDI Trung Quốc ít có tác động đến chuyển giao công nghệ

Trong thời gian qua FDI Trung Quốc vào các nước ASEAN chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ và khai thác tài nguyên thiên nhiên, đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp còn hạn chế, tập trung hầu hết vào các ngành công nghiệp sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên và tận dụng nguồn lao động dồi dào, giá rẻ như công nghiệp rừng (gỗ, bột giấy) và công nghiệp dệt may, da giày, các ngành công nghiệp phát triển có công nghệ cao hầu như không có mặt của các nhà đầu tư Trung Quốc. Do đó, FDI Trung Quốc vào các nước ASEAN ít mang lại tác động chuyển giao công nghệ.

Thêm vào đó, dệt may, da giày là ngành mà Trung Quốc đã phát triển từ lâu, công nghệ đã lạc hậu. Các doanh nghiệp Trung Quốc muốn chuyển giao công nghệ này sang các nước ASEAN để tăng tuổi thọ

Sự hoài nghi của các nhà phân tích Trung Quốc về thành công của Chính sách Láng giềng tốt đang lớn dần lên. Trung Quốc đang bị xa lánh bởi nhiều quốc gia nhỏ ở châu Á bởi việc tập trung một cách thiếu cận vào thương mại và FDI mà không quan tâm đến các vấn đề về nhân quyền, nguyên tắc tôn trọng pháp luật, hay bảo vệ môi trường.

FDI Trung Quốc tập trung vào một số nước và một số lĩnh vực kinh tế

FDI của Trung Quốc giai đoạn 2000- 2013 chủ yếu tập trung vào các nước Campuchia, Singapore, Việt Nam và Myanmar, các nước khác trong ASEAN nhận được lượng vốn đầu tư rất khiêm tốn, chưa đủ để mang lại các tác động tích cực cho các nước nhận đầu tư này. FDI của Trung Quốc tại các nước giàu tài nguyên như Indonesia, Myanmar hầu như chỉ tập trung vào khai thác nguồn lợi tài nguyên thiên nhiên

sản phẩm và thu lợi nhuận tại chính thị trường các nước nhận đầu tư.

Tác động tiêu cực đến môi trường và nguồn tài nguyên thiên nhiên

FDI Trung Quốc vào ngành khai khoáng tại khu vực ASEAN gây ra các tác động tiêu cực, làm ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái, về lâu dài sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới mục tiêu phát triển bền vững của các quốc gia ASEAN. Kết quả tiêu cực của các hoạt động kinh tế của Trung Quốc ở nước ngoài, như việc



làm giảm sút chất lượng môi trường hay căng thẳng giữa lao động Trung Quốc và cộng đồng dân cư bản địa, đã góp phần vào tình trạng mất an ninh ở các nước nhỏ và đang phát triển.

Ở Myanmar, FDI Trung Quốc với các dự án khai thác tài nguyên, vận tải và sản xuất điện đã được tự do hành động bất chấp các tiêu chuẩn môi trường và lợi ích của người dân địa phương bị ảnh hưởng bởi các dự án này. Dự án đường ống dẫn khí đốt Shwe đã bị chỉ trích rộng rãi bởi nó đã coi thường các tác động xã hội và những thiệt hại đối với môi trường, và dẫn đến biểu tình của người dân khiếu nại đòi bồi thường do xung công đất và di cư của nông dân và người đánh bắt cá[3].

Những công nghệ mà các doanh nghiệp Trung Quốc chuyển vào Việt Nam thường là những công nghệ lạc hậu, hiệu quả sản xuất thấp và gây ô nhiễm môi trường, làm ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững ở Việt Nam.

Tại Campuchia, Trung Quốc đầu tư dự án Lower Sesan 2, xây dựng một con đập lớn với tổng chi phí 800 triệu USD. Con đập đe dọa sẽ làm mất đi nguồn lợi thủy sản lớn trên các con sông, hàng trăm ngàn người dân Campuchia sống dọc trên các lưu vực sông Mekong sẽ bị ảnh hưởng. Con đập này có thể chặn mất nguồn cung cấp protein quan trọng tại một quốc gia vốn đã nghèo đói và chỉ sống dựa vào nghề đánh bắt cá. Tuy nhiên, dự án này lại không bao gồm bất kỳ điều khoản nào về vấn đề bồi thường đối với lượng thủy sản bị mất.

Tác động đến an ninh xã hội tại các nước nhận đầu tư
Ở Myanmar, phần lớn các con đập được xây dựng thông qua nhượng quyền, đặc biệt cho các công ty Trung Quốc hoặc các liên doanh mà Trung Quốc cung cấp công nghệ kỹ thuật và các khoản cho vay. Quan trọng hơn, các dự án đầu tư của Trung Quốc ở các khu vực sắc tộc địa phương, đặc biệt là khu vực Kachin, đang đụng chạm vào những vấn đề cơ bản về quyền tự quyết chính trị và hòa giải quốc gia. Theo báo cáo của Burma River Network, liên minh các nhóm hoạt động môi trường địa phương, có đến 50 cuộc đụng độ giữa các lực lượng quân sự và các nhóm sắc tộc vũ trang đã diễn ra liên quan đến các dự án thủy điện đang tiến hành trong 3 năm qua. Sự phản ứng dữ dội bắt nguồn từ quan điểm rằng Trung

Quốc đang khai thác Myanmar mạnh mẽ, mà không bù lại lợi ích kinh tế và xã hội cho đất nước này.

Tại Lào, một doanh nghiệp Trung Quốc đã thuê cả một thị trấn nằm sát biên giới hai nước và biến nơi đây gần như thành khu vực của riêng người Trung Quốc. Thị trấn rộng 21 km² được đặt tên là Bò Thèn này có ngôn ngữ chính là tiếng Trung, thanh toán bằng nhân dân tệ và sử dụng giờ Bắc Kinh thay vì giờ Viêng Chăn. Hệ thống điện, viễn thông và ngay cả các lực lượng chức năng như công an cũng đều được đưa từ Trung Quốc sang. Lực lượng hải quan đã dời từ biên giới Lào- Trung xuống phía nam của thị trấn này[9].

3. Khuyến nghị cho Việt Nam trong việc tiếp nhận vốn FDI Trung Quốc

Trong làn sóng FDI vào Việt Nam, Trung Quốc nổi lên và trở thành đối tác có lượng vốn đầu tư tăng trưởng liên tục từ năm 1991 đến nay. Từ năm 2011 đến nay, FDI của Trung Quốc vào Việt Nam tăng đột biến, nhất là năm 2013, lên đến mức hơn 2,3 tỉ USD so với 345 triệu USD năm 2012, đặc biệt là đầu tư vào bất động sản và dệt may. Ngoài ra, doanh nghiệp Trung Quốc còn đẩy mạnh tiếp cận các lĩnh vực: Khai khoáng, sản xuất và chế biến, xây dựng và cơ sở hạ tầng... Tính đến hết năm 2015, Trung Quốc đứng thứ 9/101 quốc gia đầu tư vào Việt Nam với tổng số vốn đăng ký là hơn 9,89 tỷ USD, chiếm khoảng 4% trong tổng vốn FDI đăng ký đầu tư vào Việt Nam[10].

Xét về ngành nghề đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam, doanh nghiệp Trung Quốc có mặt trong 31 ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh tại Việt Nam, đứng đầu là đầu tư vào dầu mỏ, hóa chất (62 doanh nghiệp), máy móc (103 doanh nghiệp) và bán buôn, bán lẻ (124 doanh nghiệp). Trong số các doanh nghiệp FDI đầu tư vào Việt Nam có 37 doanh nghiệp trung ương Trung Quốc, 1 doanh nghiệp của Bộ Thương mại Trung Quốc và 774 doanh nghiệp đến từ các tỉnh của Trung Quốc. Tại Việt Nam,



FDI Trung Quốc có mặt trên 55 tỉnh thành, trong đó phần lớn tập trung tại các thành phố đông dân cư, khu công nghiệp và các tỉnh giáp với biên giới Việt- Trung. Các nhà đầu tư Trung Quốc vào Việt Nam chủ yếu dưới hình thức 100% vốn nước ngoài. Các dự án BOT, BT, BTO rất khiêm tốn với 3 dự án song lại chiếm tỷ trọng vốn đầu tư lớn với khoảng 2,3 tỷ USD, tương ứng 29,7% tổng vốn đầu tư. Các dự án liên doanh chỉ chiếm khoảng 19,3% tổng vốn đầu tư[8].

Sự gia tăng đầu tư Trung Quốc vào Việt Nam có một số điểm đáng lưu ý: (1) Sự dịch chuyển đầu tư nhằm tranh thủ ưu đãi thuế trong TPP, nhằm biến Việt Nam thành nước gia công, chế biến với lợi nhuận mỏng và phải đối mặt trực tiếp với các vấn đề về môi trường đang hiện hữu; kỹ năng và năng suất của lao động Việt Nam vẫn còn kém so với các nước trong khu vực dẫn tới các doanh nghiệp đầu tư vào Việt Nam chủ yếu để thực hiện gia công và lắp ráp, hầu hết các linh kiện vẫn phải nhập khẩu, các ngành sản xuất phụ trợ chưa có cơ hội phát triển mạnh do chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà đầu tư.

(2) Mục tiêu của Trung Quốc là dịch chuyển các cơ sở sản xuất thâm dụng nhiều lao động, mức lương thấp, hàng hóa giá rẻ và công nghệ không cao ra nước ngoài. Những công nghệ mà các doanh nghiệp Trung Quốc chuyển vào Việt Nam thường là những công nghệ lạc hậu, hiệu quả sản xuất thấp và gây ô nhiễm môi trường, làm ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững ở Việt Nam. Nhiều doanh nghiệp Trung Quốc đang đầu tư ở Việt Nam chỉ chú trọng quan tâm đến vấn đề lợi nhuận mà bỏ qua vấn đề bảo vệ môi trường, làm suy giảm môi trường, ô nhiễm trầm trọng, khai thác quá mức làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên. Đây chính là hạn chế lớn nhất của các doanh nghiệp FDI Trung Quốc tại Việt Nam. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp FDI Trung Quốc còn làm mất cơ hội việc làm của lao động trong nước, hiện tượng lao động Trung Quốc đang có mặt khắp các dự án FDI của Trung Quốc tại Việt Nam.

Nhằm tăng cường những tác động tích cực của FDI Trung Quốc và giảm bớt những hạn chế của dòng vốn này, Việt Nam cần lựa chọn một số lĩnh vực mà Trung Quốc có lợi thế cạnh tranh. Cho đến nay, Trung Quốc đã vượt qua Mỹ và đang dẫn đầu thế giới trong một số lĩnh vực sản xuất như thép, bông,

thuốc lá, ô tô, than đá, xuất khẩu hàng công nghệ cao. Bên cạnh đó, chỉ trong 10 năm, công nghệ đường sắt cao tốc Trung Quốc đã có bước tiến vượt bậc, được thị trường hóa và làm rất nhanh, giá thành rẻ.

Theo thống kê của cơ quan chức năng, những dự án dật may quy mô lớn được phê duyệt trong nửa đầu năm 2015 đóng góp 4,18 tỉ USD nguồn vốn FDI mới vào Việt Nam, trong đó, chủ yếu là các nhà đầu tư Trung Quốc, Đài Loan và Hong Kong đầu tư vào nước ta nhằm đón lợi thế TPP. Việt Nam cần “chọn lọc” và “cẩn trọng” khi cấp phép đầu tư cho các dự án lĩnh vực dật may, nhuộm của Trung Quốc vào Việt Nam, đồng thời kiểm soát chặt chẽ quá trình thực hiện các dự án. Việt Nam hiện đã có hàng loạt các quy định (quy chuẩn và tiêu chuẩn) về hàng rào kỹ thuật nhằm kiểm soát chất lượng công nghệ cũng như các loại hàng hóa, nguyên vật liệu nhập khẩu. Nếu thực hiện tốt các tiêu chuẩn, quy chuẩn này thì việc hạn chế nhập khẩu các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ kém chất lượng, trong đó có xu hướng chuyển các công nghệ lạc hậu, ô nhiễm môi trường của các doanh nghiệp Trung Quốc cũng như các doanh nghiệp nước ngoài khác vào Việt Nam là hoàn toàn khả thi. Việc thu hút đầu tư vào dật may, đặc biệt là các khâu dật may, nhuộm cần phải được tư duy phát triển theo quy mô vùng để có thể tận dụng được hết năng lực của các khu công nghiệp chuyên sâu, đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải.

Nhằm phục vụ nhu cầu tăng trưởng của nền kinh tế, Trung Quốc đã tích cực phát triển các ngành năng lượng như thủy điện, năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối, năng lượng gió và hạt nhân và khí đốt thiên nhiên (dầu mỏ). Theo báo cáo của Cơ quan Năng lượng Quốc tế, Trung Quốc hiện là quốc gia sản xuất thủy điện lớn nhất thế giới, với số lượng nhà máy thủy điện nhiều hơn bất cứ quốc gia nào. Trung Quốc có lợi thế là nguồn cung cấp công nghệ và thiết bị năng lượng. Vì vậy, Việt Nam có thể xây dựng kế hoạch thu hút FDI của Trung Quốc vào các lĩnh vực phát triển năng lượng. Các chuyên gia phân tích cho rằng, các công ty Trung Quốc hiện nay đang nắm giữ 70% thị trường phát triển toàn cầu trong lĩnh vực sản xuất các tấm pin mặt trời, nhờ giá cả có sức cạnh tranh. Bên cạnh đó, Trung Quốc còn chú trọng phát triển nhiệt điện, bình quân một tuần



ở Trung Quốc có một nhà máy nhiệt điện mới được đưa vào hoạt động. Trung Quốc còn có lợi thế trong các ngành sản xuất thiết bị điện tử, gia dụng do các doanh nghiệp trong ngành này đã nâng cao năng lực cạnh tranh qua quá trình Trung Quốc là điểm đến hàng đầu của FDI. Giống như những người láng giềng Đài Loan và Hàn Quốc, các hãng công nghệ Trung Quốc đang chuyển mình từ vị thế sản xuất thuê sang làm chủ và tự bán thiết bị dưới thương hiệu riêng. Việt Nam có thể thu hút các doanh nghiệp Trung Quốc trong ngành sản xuất thiết bị điện tử để khai thác lợi thế về giá thành sản xuất và chuyển giao công nghệ phù hợp với Việt Nam. Bên cạnh đó, nhằm tăng cường thu hút FDI Trung Quốc vào Việt Nam, cần tập trung cải thiện môi trường kinh doanh và môi trường đầu tư, đó là hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh doanh; tăng cường tự do hoá nền kinh tế; xây dựng đồng bộ các loại thị trường; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế như hội nhập WTO,

ASEAN, APEC...; thúc đẩy chuyển đổi nền kinh tế theo hướng hiện đại, phát huy lợi thế so sánh; tích cực thực hiện cải cách doanh nghiệp nhà nước (DNNN) và phát triển khu vực kinh tế tư nhân; tiếp tục cải thiện và hiện hoá cơ sở hạ tầng, mà trước mắt là cần thực hiện cắt giảm chi tiêu công, cải cách các DNNN và cải cách hệ thống tài chính- ngân hàng của Việt Nam.

Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, Việt Nam cần tiếp tục thu hút vốn FDI vào nhiều ngành công nghiệp, dịch vụ trong nước, trong đó có FDI Trung Quốc. Tuy nhiên cần chọn lọc những ngành, lĩnh vực có lợi thế so sánh của các doanh nghiệp Trung Quốc phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội Việt Nam như xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển năng lượng, sản xuất công nghiệp nhẹ như thiết bị điện tử, hàng gia dụng. Đồng thời, Việt Nam cũng cần đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước... để thu hút hiệu quả nguồn FDI Trung Quốc. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *ASEAN Investment Report 2013-2014 FDI Development and Regional Value Chains*, ASEAN Secretariat, October 2014.
2. *Emerging Powers in their Regions: China's Impacts on its neighbours' Political Systems*, German Development Institute, 1/2010.
3. *FDI in Myanmar- What impacts on human rights (2015)*, International Trade Union Confederation, <http://www.ituc-csi.org/IMG/pdf/ituc-burma.pdf>
4. Kubny, Julia and Hinrich Voss (2010), *China's FDI in ASEAN: Trends and impact on host countries*.
5. Kang, D. (2007), *China Rising: Peace, Power, and Order in East Asia*, Columbia University Press, New York.
6. Nguyễn Mai (2014), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam – Thành tựu và những vấn đề đặt ra*, Tạp chí Cộng sản 12/2014.
7. Nguyễn Phương Hoa (2010), “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc tại Việt Nam trong 10 năm qua*”, Nghiên cứu Trung Quốc, tr. 43.
8. Phạm Sỹ Thành (2015), *Kinh tế Trung Quốc 6 tháng cuối năm 2014 và Triển vọng 2015*, Chương trình nghiên cứu Trung Quốc, Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Wang, L. (2007), “*The good neighbor: why China cooperates*”, *Harvard International Review*, Fall 2007.
10. Wu, F. and Sia, Y.H. (2002) “*China's rising investment in Southeast Asia: Trends and outlook*”, *Journal of Asian Business* 18(2).

SUMMARY

The impact of Chinese FDI in ASEAN and recommendations

ASEAN is increasingly becoming important destinations of which Chinese foreign direct investment (FDI) to serve the objective of ensuring energy security, making use of the TPP preferences, implementation of new foreign policy of China. In the process of investment, Chinese FDI has made positive contributions to the economic growth of the ASEAN countries. However, FDI in ASEAN from China have many differences compared to FDI from other investors in motivation, fields, methods... Particularly, Chinese FDI in ASEAN is not only motivated by economic profit but also involved in political Chinese diplomacy, so some investment have a negative impact for the ASEAN countries such as environmental pollution, little technology transfer, causing unstable political situation, social security... The article focuses on clarifying some of the impact of Chinese FDI in ASEAN, from which implications for attracting and efficient use of Chinese FDI in Vietnam.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Cần Thị Thu Hương, Thạc sỹ

Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế- Học viện Ngân hàng

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Đầu tư trực tiếp nước ngoài và quan hệ kinh tế quốc tế

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Kinh tế Phát triển

Email: huongctt@hvn.edu.vn